



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 139/2024/LICOGI-CBTT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v CBTT Báo cáo tài chính Công ty
Mẹ năm 2023 đã được kiểm toán)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243 8542 365
Fax: 0243 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Nguyên Vũ
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0912046454
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo Tài chính Công ty Mẹ
năm 2023 đã được kiểm toán

(Có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày /03/2024 tại đường dẫn: <http://www.licogi.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGĐ (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Vũ Nguyên Vũ

Số: 135./2024/CV-TCKT

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ
BCTC riêng kiểm toán năm 2023

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”,
Ngày 30/3/2024 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế (ICPA). Trên báo cáo tài chính kiểm toán, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2023, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 72,99 tỷ vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.6).

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục “Đầu tư vào công ty con”, “Phải thu ngắn hạn khác” tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 liên quan đến dự án này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này thì khoản mục “Đầu tư tài chính dài hạn” và “Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối” tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng



Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt:

Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi-CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị Licogi. Các chi phí lãi vay vốn hóa liên quan trực tiếp đến dự án này tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lãi vay. Đồng thời khi thành lập các Công ty con là Công ty TNHH MTV nhà ở đô thị Licogi và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 Tổng Công ty xác định các chi phí lãi vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập công ty con.

Đối với khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở đô thị Licogi do Công ty con này chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản tạm ứng cho Ban quản lý dự án. Do các khoản tạm ứng này Công ty con đang phối hợp với các bên có liên quan để thu hồi các khoản tạm ứng này nên Công ty con chưa trích lập dự phòng phải thu đối với khoản tạm ứng này. Mặt khác, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, chúng tôi đã trích lập dự phòng khoản tạm ứng này khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hiện nay, dự án vẫn đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, vấn đề này được khắc phục khi Công ty nhà thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận và Tổng Công ty thu hồi được vốn đã đầu tư.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TCT, BKS (để báo cáo)
- Lưu TCKT, VP HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Nguyễn Vũ

Số: 134.2024/CV-TCKT

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 của BCTC riêng sau kiểm toán so với cùng kỳ năm 2022"

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Licogi-CTCP giải trình kết quả kinh doanh năm 2023 cụ thể như sau:

Giải trình biến động kết quả kinh doanh sau kiểm toán năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2023 sau kiểm toán	Năm 2022 sau kiểm toán	Biến động (%)
1	Tổng thu nhập sau giảm trừ:	Tr. đồng	482,027	525,184	-8%
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính	Tr. đồng	479,503	521,363	-8%
	- Thu nhập khác	Tr. đồng	2,524	3,821	-34%
2	Tổng chi phí:	Tr. đồng	475,898	512,634	-7%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	6,129	12,550	-51%
4	Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	.
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	6,129	12,550	-51%

Năm 2023 lợi nhuận giảm 6,4 tỷ đồng tương đương giảm 8% so với năm 2022 nguyên nhân do tổng doanh thu giảm 8%, tuy nhiên chi phí giá vốn tăng và tổng chi phí chỉ giảm 7% so với cùng năm 2022.

Trên đây là giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN sau kiểm toán năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Nguyễn Vũ

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY
540 EAST 57TH STREET
CHICAGO, ILL. 60637



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 50



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Trường Sơn	Ủy viên
4. Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
5. Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Vũ Nguyên Vũ	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Thanh Hợp	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 03 năm 2023)
4. Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2023)

Ban Kiểm soát

1. Ông Phan Hải Triều	Trưởng ban
2. Bà Dương Thị Phượng	Thành viên
3. Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Vũ Nguyên Vũ – Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

The following information is provided for your reference:
 1. The total number of items is 100.
 2. The total value is \$1,000.
 3. The average value per item is \$10.
 4. The standard deviation is \$5.
 5. The variance is \$25.
 6. The coefficient of variation is 0.5.
 7. The skewness is 0.
 8. The kurtosis is 3.
 9. The distribution is normal.
 10. The mean is \$10.
 11. The standard error is \$0.5.
 12. The confidence interval is \$9.5 to \$10.5.
 13. The p-value is 0.05.
 14. The test statistic is 1.96.
 15. The critical value is 1.96.
 16. The null hypothesis is rejected.
 17. The alternative hypothesis is accepted.
 18. The test is significant.
 19. The results are statistically significant.
 20. The difference is statistically significant.
 21. The correlation is 0.5.
 22. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 23. The R-squared value is 0.25.
 24. The F-statistic is 4.
 25. The p-value is 0.05.
 26. The test is significant.
 27. The results are statistically significant.
 28. The difference is statistically significant.
 29. The correlation is 0.5.
 30. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 31. The R-squared value is 0.25.
 32. The F-statistic is 4.
 33. The p-value is 0.05.
 34. The test is significant.
 35. The results are statistically significant.
 36. The difference is statistically significant.
 37. The correlation is 0.5.
 38. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 39. The R-squared value is 0.25.
 40. The F-statistic is 4.
 41. The p-value is 0.05.
 42. The test is significant.
 43. The results are statistically significant.
 44. The difference is statistically significant.
 45. The correlation is 0.5.
 46. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 47. The R-squared value is 0.25.
 48. The F-statistic is 4.
 49. The p-value is 0.05.
 50. The test is significant.
 51. The results are statistically significant.
 52. The difference is statistically significant.
 53. The correlation is 0.5.
 54. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 55. The R-squared value is 0.25.
 56. The F-statistic is 4.
 57. The p-value is 0.05.
 58. The test is significant.
 59. The results are statistically significant.
 60. The difference is statistically significant.
 61. The correlation is 0.5.
 62. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 63. The R-squared value is 0.25.
 64. The F-statistic is 4.
 65. The p-value is 0.05.
 66. The test is significant.
 67. The results are statistically significant.
 68. The difference is statistically significant.
 69. The correlation is 0.5.
 70. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 71. The R-squared value is 0.25.
 72. The F-statistic is 4.
 73. The p-value is 0.05.
 74. The test is significant.
 75. The results are statistically significant.
 76. The difference is statistically significant.
 77. The correlation is 0.5.
 78. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 79. The R-squared value is 0.25.
 80. The F-statistic is 4.
 81. The p-value is 0.05.
 82. The test is significant.
 83. The results are statistically significant.
 84. The difference is statistically significant.
 85. The correlation is 0.5.
 86. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 87. The R-squared value is 0.25.
 88. The F-statistic is 4.
 89. The p-value is 0.05.
 90. The test is significant.
 91. The results are statistically significant.
 92. The difference is statistically significant.
 93. The correlation is 0.5.
 94. The regression equation is $y = 0.5x + 5$.
 95. The R-squared value is 0.25.
 96. The F-statistic is 4.
 97. The p-value is 0.05.
 98. The test is significant.
 99. The results are statistically significant.
 100. The difference is statistically significant.



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Nguyên Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Handwritten notes in the top left corner, including a date and some illegible text.

Handwritten notes in the top right corner, including a date and some illegible text.



Vertical handwritten text on the left edge of the page.



Số: 033005/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty LICOGI - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 72,99 tỷ vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.6).



11 6 15/16

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào công ty con", "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 liên quan đến dự án này hay không.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KDTM Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 361.197.474.426 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 366.326.675.735 đồng), nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 866.619.702.539 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 892.899.346.345 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào việc triển khai kế hoạch kinh doanh, và sự hỗ trợ tài chính của các tổ chức tín dụng. Các sự kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP thì giá trị phần vốn Nhà Nước chưa bao gồm giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Việc xác định giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính, Bộ xây dựng và các cơ quan quản lý khác. Tổng Công ty có trách nhiệm nộp giá trị chi phí cơ hội của dự án này về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm công ty mẹ và các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính của Tổng Công ty nên đọc báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2023-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-01

Faint, illegible text at the top left of the page.

Faint, illegible text in the upper middle section.

Faint, illegible text in the middle section.

Faint, illegible text in the lower middle section.

Faint, illegible text in the lower section.

Faint, illegible text at the bottom left.

Faint, illegible text at the top right of the page.

Faint, illegible text in the upper middle section.

Faint, illegible text in the middle section.

Faint, illegible text in the lower middle section.

Faint, illegible text in the lower section.

Faint, illegible text at the bottom right.

Handwritten signature or initials in the bottom left corner.

Handwritten signature or initials in the bottom right corner.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		784.087.821.023	796.841.318.381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.526.789.245	8.257.490.357
1. Tiền	111	V.1	9.526.789.245	8.257.490.357
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.703.693.116	70.950.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	21.703.693.116	70.950.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		692.532.288.348	657.066.072.034
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	181.969.474.373	195.055.264.419
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69.759.438.339	64.320.646.372
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	196.903.623.180	193.203.623.180
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	354.857.620.909	314.254.938.750
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(110.957.868.453)	(109.768.400.687)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	42.777.672.165	43.727.516.947
1. Hàng tồn kho	141		43.644.893.490	44.594.738.272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(867.221.325)	(867.221.325)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.547.378.149	16.840.239.043
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	26.637.347	338.921.145
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.165.736.266	16.146.313.362
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18a	355.004.536	355.004.536
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.823.271.353.621	1.847.553.556.688
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.860.000.000	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	3.860.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		81.404.473.684	94.463.052.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	81.091.673.683	94.277.052.672
- Nguyên giá	222		394.440.059.845	420.618.125.947
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(313.348.386.162)	(326.341.073.275)
2. Tài sản cố định vô hình	227		312.800.001	186.000.000
- Nguyên giá	228		366.000.000	186.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.199.999)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		1.357.365.162	1.357.365.162
- Nguyên giá	231		1.357.365.162	1.357.365.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.943.918.305	14.940.918.305
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.10	4.589.571.314	4.589.571.314
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	10.354.346.991	10.351.346.991
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.720.792.195.002	1.735.576.222.668
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	1.448.580.147.489	1.443.580.147.489
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	322.588.897.645	329.392.720.375
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	59.260.545.400	59.260.545.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(111.137.395.532)	(98.157.190.596)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.500.000.000	1.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		913.401.468	1.215.997.881
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	913.401.468	1.215.997.881
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.607.359.174.644	2.644.394.875.069

Year	Month	Day	Event	Location	Notes
1950	Jan	1
1950	Jan	2
1950	Jan	3
1950	Jan	4
1950	Jan	5
1950	Jan	6
1950	Jan	7
1950	Jan	8
1950	Jan	9
1950	Jan	10
1950	Jan	11
1950	Jan	12
1950	Jan	13
1950	Jan	14
1950	Jan	15
1950	Jan	16
1950	Jan	17
1950	Jan	18
1950	Jan	19
1950	Jan	20
1950	Jan	21
1950	Jan	22
1950	Jan	23
1950	Jan	24
1950	Jan	25
1950	Jan	26
1950	Jan	27
1950	Jan	28
1950	Jan	29
1950	Jan	30
1950	Jan	31
1950	Feb	1
1950	Feb	2
1950	Feb	3
1950	Feb	4
1950	Feb	5
1950	Feb	6
1950	Feb	7
1950	Feb	8
1950	Feb	9
1950	Feb	10
1950	Feb	11
1950	Feb	12
1950	Feb	13
1950	Feb	14
1950	Feb	15
1950	Feb	16
1950	Feb	17
1950	Feb	18
1950	Feb	19
1950	Feb	20
1950	Feb	21
1950	Feb	22
1950	Feb	23
1950	Feb	24
1950	Feb	25
1950	Feb	26
1950	Feb	27
1950	Feb	28
1950	Feb	29
1950	Mar	1
1950	Mar	2
1950	Mar	3
1950	Mar	4
1950	Mar	5
1950	Mar	6
1950	Mar	7
1950	Mar	8
1950	Mar	9
1950	Mar	10
1950	Mar	11
1950	Mar	12
1950	Mar	13
1950	Mar	14
1950	Mar	15
1950	Mar	16
1950	Mar	17
1950	Mar	18
1950	Mar	19
1950	Mar	20
1950	Mar	21
1950	Mar	22
1950	Mar	23
1950	Mar	24
1950	Mar	25
1950	Mar	26
1950	Mar	27
1950	Mar	28
1950	Mar	29
1950	Mar	30
1950	Mar	31

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.068.556.649.070	2.110.721.550.804
I. Nợ ngắn hạn	310		1.650.707.523.562	1.689.740.664.726
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	249.054.665.000	279.239.577.719
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	161.233.731.475	135.752.064.169
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18b	50.143.225.893	49.153.378.177
4. Phải trả người lao động	314		12.466.130.936	7.720.159.583
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	312.162.282.793	330.586.262.033
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	56.101.280.281	67.762.571.947
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	800.656.583.119	817.795.738.454
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.158.711.421	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.730.912.644	1.730.912.644
II. Nợ dài hạn	330		417.849.125.508	420.980.886.078
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		529.125.508	362.174.657
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	60.000.000.000	60.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	357.320.000.000	354.460.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	6.158.711.421
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		538.802.525.574	533.673.324.265
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	538.802.525.574	533.673.324.265
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(361.197.474.426)	(366.326.675.735)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(367.326.675.735)	(378.877.053.211)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.129.201.309	12.550.377.476
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.607.359.174.644	2.644.394.875.069


Lê Thị Thanh Nội
Người lập biểu

Phùng Quang Minh
Kế toán trưởngVũ Nguyên Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

日期	姓名	性别	年龄	职业	住址	联系电话	备注
2023.10.10	张三	男	35	教师	北京市海淀区中关村大街	13910101234	无
2023.10.10	李四	女	28	程序员	北京市朝阳区望京	15810105678	无
2023.10.10	王五	男	45	医生	上海市浦东新区世纪大道	13816109012	无
2023.10.10	赵六	女	55	退休	广州市天河区珠江新城	13527103456	无
2023.10.10	孙七	男	30	工程师	深圳市南山区科技园	13715107890	无
2023.10.10	周八	女	40	会计	武汉市武昌区中南路	13543102345	无
2023.10.10	吴九	男	25	学生	北京市昌平区回龙观	15810106789	无
2023.10.10	郑十	女	60	退休	成都市武侯区玉林	13882104567	无
2023.10.10	冯十一	男	38	律师	上海市静安区南京西路	13816108901	无
2023.10.10	陈十二	女	50	医生	广州市越秀区惠爱西路	13527106789	无
2023.10.10	林十三	男	22	学生	北京市海淀区学院路	15810109012	无
2023.10.10	陈十四	女	48	教师	武汉市汉阳区琴台	13543105678	无
2023.10.10	林十五	男	32	程序员	深圳市龙岗区坂田	13715103456	无
2023.10.10	陈十六	女	58	退休	成都市青羊区浣花	13882107890	无
2023.10.10	林十七	男	27	工程师	上海市浦东新区川沙	13816104567	无
2023.10.10	陈十八	女	42	会计	广州市天河区东圃	13527108901	无
2023.10.10	林十九	男	33	程序员	北京市海淀区中关村	15810102345	无
2023.10.10	陈二十	女	52	退休	武汉市武昌区昙华林	13543106789	无
2023.10.10	林二十一	男	29	工程师	深圳市南山区西丽	13715104567	无
2023.10.10	陈二十二	女	47	教师	广州市天河区沙河	13527109012	无
2023.10.10	林二十三	男	31	程序员	北京市海淀区中关村	15810105678	无
2023.10.10	陈二十四	女	51	退休	成都市青羊区浣花	13882103456	无
2023.10.10	林二十五	男	26	工程师	上海市浦东新区川沙	13816107890	无
2023.10.10	陈二十六	女	41	会计	广州市天河区东圃	13527104567	无
2023.10.10	林二十七	男	34	程序员	北京市海淀区中关村	15810108901	无
2023.10.10	陈二十八	女	49	退休	武汉市武昌区昙华林	13543109012	无
2023.10.10	林二十九	男	30	工程师	深圳市南山区西丽	13715102345	无
2023.10.10	陈三十	女	46	教师	广州市天河区沙河	13527105678	无

以上为本次调查的详细信息，如有变动，请及时更新。

调查人：[姓名]

日期：2023年10月10日

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		306.521.559.494	215.480.716.956
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	306.521.559.494	215.480.716.956
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	321.483.165.353	215.087.122.416
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(14.961.605.859)	393.594.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	172.981.309.696	305.881.838.072
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	113.096.178.070	223.852.627.234
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		100.028.381.433	184.907.516.313
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	30.731.953.429	44.005.496.513
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.191.572.338	38.417.308.865
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.524.669.598	3.821.326.570
12. Chi phí khác	32	VI.7	10.587.040.627	29.688.257.959
13. Lợi nhuận khác	40		(8.062.371.029)	(25.866.931.389)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.129.201.309	12.550.377.476
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.129.201.309	12.550.377.476



Lê Thị Thanh Nội
Người lập biểu



Phùng Quang Minh
Kế toán trưởng




Vũ Nguyên Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

No.	Name	Grade	Section	Score
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20

[Handwritten signature]

[Handwritten notes]



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.129.201.309	12.550.377.476
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	12.696.248.586	15.260.740.903
Các khoản dự phòng	03	14.169.672.702	48.680.009.009
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.082.041	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(175.505.979.294)	(308.606.718.976)
Chi phí lãi vay	06	100.028.381.433	184.907.516.313
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(42.481.393.223)	(47.208.075.275)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	36.021.061.325	123.047.824.271
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	949.844.782	1.633.382.696
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(3.379.984.326)	(200.770.539.911)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	614.880.211	(1.447.196.597)
Tiền lãi vay đã trả	14	(125.537.143.506)	(91.262.347.588)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(55.709.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(133.812.734.737)	(216.062.662.004)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(180.000.000)	(588.716.365)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.067.000.000	2.724.880.904
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(10.914.947.216)	(170.950.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	52.601.254.100	100.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	6.803.822.730	25.326.260.177
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	102.985.141.387	298.184.219.624
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	149.362.271.001	254.696.644.340
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	514.104.616.944	552.779.164.992
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(528.383.772.279)	(693.710.744.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.279.155.335)	(140.931.579.658)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.270.380.929	(102.297.597.322)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.257.490.357	110.555.087.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	70	(1.082.041)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.526.789.245	8.257.490.357



Lê Thị Thanh Nội
Người lập biểu



Phùng Quang Minh
Kế toán trưởng



Vũ Nguyên Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

1840-1841

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ - TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900 tỷ đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. This is essential for ensuring the integrity of the financial data and for providing a clear audit trail.

2. The second part of the document outlines the various methods used to collect and analyze data. These methods include direct observation, interviews, and the use of specialized software tools. Each method has its own strengths and limitations, and they are often used in combination to achieve the most comprehensive results.

3. The third part of the document describes the process of data analysis. This involves identifying patterns, trends, and anomalies in the data. It also includes the use of statistical techniques to test hypotheses and to quantify the uncertainty associated with the results.

4. The fourth part of the document discusses the importance of data security. This involves implementing measures to protect the data from unauthorized access, loss, or corruption. This is particularly important in the context of sensitive information, such as financial records or personal data.

5. The fifth part of the document describes the process of data reporting. This involves presenting the results of the analysis in a clear and concise manner. This can be done through the use of tables, charts, and other visual aids. It is important to provide a clear explanation of the findings and to discuss the implications of the results.

6. The sixth part of the document discusses the importance of data quality. This involves ensuring that the data is accurate, complete, and consistent. This is essential for ensuring the reliability of the results and for providing a clear audit trail.

7. The seventh part of the document describes the process of data archiving. This involves storing the data in a secure and accessible manner for future use. This is particularly important for long-term data retention and for ensuring that the data is available for future analysis.

8. The eighth part of the document discusses the importance of data privacy. This involves implementing measures to protect the data from unauthorized access and disclosure. This is particularly important in the context of personal data and in the context of data sharing with third parties.

9. The ninth part of the document describes the process of data integration. This involves combining data from different sources into a single, unified view. This is essential for ensuring that the data is consistent and for providing a clear audit trail.

10. The tenth part of the document discusses the importance of data governance. This involves implementing measures to ensure that the data is managed in a consistent and effective manner. This is particularly important for ensuring that the data is available for future use and for ensuring that the data is protected from unauthorized access.

11. The eleventh part of the document describes the process of data migration. This involves moving data from one system to another. This is essential for ensuring that the data is available in the new system and for ensuring that the data is protected from unauthorized access.

12. The twelfth part of the document discusses the importance of data backup. This involves implementing measures to ensure that the data is backed up regularly and that the backups are stored in a secure and accessible manner. This is essential for ensuring that the data is available in the event of a disaster.

13. The thirteenth part of the document describes the process of data recovery. This involves restoring the data from a backup. This is essential for ensuring that the data is available in the event of a disaster and for ensuring that the data is protected from unauthorized access.

14. The fourteenth part of the document discusses the importance of data retention. This involves implementing measures to ensure that the data is retained for the appropriate period of time. This is particularly important for ensuring that the data is available for future use and for ensuring that the data is protected from unauthorized access.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****5. Cấu trúc doanh nghiệp***Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:*

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh LICOGI số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng

Thông tin về Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh	Hà Nội	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Đông Nai	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp LICOGI	Hà Nội	100,00%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động

Thông tin về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	Lào Cai	41,01%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	18,98%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

1. *Chlorophyll a* (Chl a) is the primary photosynthetic pigment in most plants and algae. It is a green pigment that absorbs light energy in the blue-violet and red-orange regions of the visible spectrum. Chl a is essential for the light-dependent reactions of photosynthesis, where it converts light energy into chemical energy.

2. *Chlorophyll b* (Chl b) is an accessory pigment found in green plants and algae. It is a yellow-green pigment that absorbs light energy in the blue and orange-red regions. Chl b broadens the range of light wavelengths that can be used for photosynthesis and transfers energy to Chl a.

3. *Carotenoids* are a group of pigments that include carotenes and xanthophylls. They are responsible for the yellow, orange, and red colors seen in autumn leaves and some fruits. Carotenoids act as accessory pigments, absorbing light energy and transferring it to Chl a. They also play a role in protecting the photosynthetic apparatus from damage by reactive oxygen species.

4. *Xanthophylls* are a subclass of carotenoids that include pigments like lutein and zeaxanthin. They are important for photoprotection, helping to dissipate excess light energy as heat to prevent damage to the photosynthetic system.

5. *Anthocyanins* are water-soluble pigments that give plants their red, purple, and blue colors. They are not directly involved in photosynthesis but can play a role in attracting pollinators and protecting plants from environmental stressors like UV radiation and herbivory.

6. *Phycobilins* are water-soluble pigments found in cyanobacteria and red algae. They include phycocyanin (blue) and allophycocyanin (orange-red). They act as accessory pigments, capturing light energy and transferring it to Chl a.

7. *Peridinin* is a carotenoid pigment found in the dinoflagellates. It is responsible for the reddish-brown color of these organisms and plays a role in energy transfer to Chl a.

8. *Chlorophyll c* (Chl c) is an accessory pigment found in brown algae and diatoms. It is a brownish-green pigment that absorbs light energy in the blue and orange-red regions.

9. *Chlorophyll d* (Chl d) is an accessory pigment found in some cyanobacteria and red algae. It is a blue-green pigment that absorbs light energy in the blue and orange-red regions.

10. *Phaeophytin* is a pigment found in brown algae, which is a derivative of Chl a that has lost its central magnesium atom. It is responsible for the brown color of these organisms.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)***Thông tin về các Công ty nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:*

Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu, biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Licogi 12	Hà Nội	8,52%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 13	Hà Nội	3,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Hà Nội	3,98%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	Quảng Ngãi	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	0,36%	Xây dựng công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng chuyên dụng
Công ty Cổ phần Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 121 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 138 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do một số vướng mắc của quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc được loại trừ toàn bộ khi lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Sl. No.	Name of the Candidate	Grade	Roll No.	Score	Percentage	Remarks
1	Abhishek Kumar	B.Tech	1001	85	85%	Pass
2	Amit Singh	B.Tech	1002	78	78%	Pass
3	Ananya Sharma	B.Tech	1003	92	92%	Pass
4	Arjun Reddy	B.Tech	1004	68	68%	Pass
5	Ashika Devi	B.Tech	1005	88	88%	Pass
6	Ashish Kumar	B.Tech	1006	72	72%	Pass
7	Ashish Singh	B.Tech	1007	80	80%	Pass
8	Ashish Singh	B.Tech	1008	75	75%	Pass
9	Ashish Singh	B.Tech	1009	70	70%	Pass
10	Ashish Singh	B.Tech	1010	73	73%	Pass
11	Ashish Singh	B.Tech	1011	76	76%	Pass
12	Ashish Singh	B.Tech	1012	79	79%	Pass
13	Ashish Singh	B.Tech	1013	82	82%	Pass
14	Ashish Singh	B.Tech	1014	85	85%	Pass
15	Ashish Singh	B.Tech	1015	88	88%	Pass
16	Ashish Singh	B.Tech	1016	91	91%	Pass
17	Ashish Singh	B.Tech	1017	94	94%	Pass
18	Ashish Singh	B.Tech	1018	97	97%	Pass
19	Ashish Singh	B.Tech	1019	100	100%	Pass
20	Ashish Singh	B.Tech	1020	100	100%	Pass
21	Ashish Singh	B.Tech	1021	100	100%	Pass
22	Ashish Singh	B.Tech	1022	100	100%	Pass
23	Ashish Singh	B.Tech	1023	100	100%	Pass
24	Ashish Singh	B.Tech	1024	100	100%	Pass
25	Ashish Singh	B.Tech	1025	100	100%	Pass
26	Ashish Singh	B.Tech	1026	100	100%	Pass
27	Ashish Singh	B.Tech	1027	100	100%	Pass
28	Ashish Singh	B.Tech	1028	100	100%	Pass
29	Ashish Singh	B.Tech	1029	100	100%	Pass
30	Ashish Singh	B.Tech	1030	100	100%	Pass
31	Ashish Singh	B.Tech	1031	100	100%	Pass
32	Ashish Singh	B.Tech	1032	100	100%	Pass
33	Ashish Singh	B.Tech	1033	100	100%	Pass
34	Ashish Singh	B.Tech	1034	100	100%	Pass
35	Ashish Singh	B.Tech	1035	100	100%	Pass
36	Ashish Singh	B.Tech	1036	100	100%	Pass
37	Ashish Singh	B.Tech	1037	100	100%	Pass
38	Ashish Singh	B.Tech	1038	100	100%	Pass
39	Ashish Singh	B.Tech	1039	100	100%	Pass
40	Ashish Singh	B.Tech	1040	100	100%	Pass
41	Ashish Singh	B.Tech	1041	100	100%	Pass
42	Ashish Singh	B.Tech	1042	100	100%	Pass
43	Ashish Singh	B.Tech	1043	100	100%	Pass
44	Ashish Singh	B.Tech	1044	100	100%	Pass
45	Ashish Singh	B.Tech	1045	100	100%	Pass
46	Ashish Singh	B.Tech	1046	100	100%	Pass
47	Ashish Singh	B.Tech	1047	100	100%	Pass
48	Ashish Singh	B.Tech	1048	100	100%	Pass
49	Ashish Singh	B.Tech	1049	100	100%	Pass
50	Ashish Singh	B.Tech	1050	100	100%	Pass



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 361.197.474.426 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 366.326.675.735 đồng), nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 866.619.702.539 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 892.899.346.345 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào các nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 kèm theo được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. This is essential for ensuring the integrity of the financial statements and for providing a clear audit trail.

2. The second part of the document outlines the various methods used to collect and analyze data. These methods include direct observation, interviews, and the use of specialized software tools. Each method has its own strengths and limitations, and it is important to choose the most appropriate one for the specific situation.

3. The third part of the document describes the process of data collection and analysis. This involves identifying the key variables to be measured, designing the data collection instruments, and then carrying out the data collection process. Once the data has been collected, it must be analyzed to identify any patterns or trends.

4. The fourth part of the document discusses the importance of data quality. This is a critical factor in ensuring the reliability of the results. Data quality can be affected by a number of factors, including the accuracy of the data collection instruments, the skill of the data collectors, and the consistency of the data collection process.

5. The fifth part of the document describes the various methods used to analyze data. These methods include descriptive statistics, inferential statistics, and regression analysis. Each method is used to answer different types of questions, and it is important to choose the most appropriate one for the specific situation.

6. The sixth part of the document discusses the importance of data interpretation. This is a critical step in the data analysis process, and it involves drawing conclusions from the data. It is important to be careful not to over-interpret the data, and to only draw conclusions that are supported by the evidence.

7. The seventh part of the document describes the various methods used to report the results of the data analysis. These methods include written reports, presentations, and interactive dashboards. Each method has its own strengths and limitations, and it is important to choose the most appropriate one for the specific situation.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

1. The first part of the document discusses the general principles of the law of contract, including the formation of a contract, the elements of a contract, and the remedies available for breach of contract.

2. The second part of the document deals with the law of tort, covering the various types of tortious actions, such as negligence, intentional torts, and strict liability.

3. The third part of the document focuses on the law of property, including the acquisition, transfer, and protection of property rights.

4. The fourth part of the document addresses the law of succession, which governs the distribution of a decedent's estate.

5. The fifth part of the document discusses the law of evidence, outlining the rules governing the admissibility and weight of evidence in legal proceedings.

6. The sixth part of the document covers the law of procedure, detailing the rules that govern the conduct of legal proceedings in the courts.

7. The seventh part of the document deals with the law of constitutional and administrative law, examining the powers and limitations of the government.

8. The eighth part of the document discusses the law of international law, which governs the relations between states and international organizations.

9. The ninth part of the document covers the law of comparative law, which involves the study and comparison of different legal systems.

10. The tenth part of the document discusses the law of legal history, which explores the development of the law over time.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 03 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư tại Tổng Công ty là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. This is essential for ensuring the integrity of the financial statements and for providing a clear audit trail.

2. The second part of the document outlines the various methods used to collect and analyze data. These methods include interviews, surveys, and focus groups, each of which has its own strengths and limitations.

3. The third part of the document describes the process of data analysis. This involves identifying patterns and trends in the data, as well as testing hypotheses and drawing conclusions based on the results.

4. The fourth part of the document discusses the importance of reporting the results of the research. This involves presenting the findings in a clear and concise manner, as well as providing a detailed explanation of the methods used and the limitations of the study.

5. The fifth part of the document concludes with a summary of the key findings and a discussion of the implications of the research. This is an important step in the research process, as it allows the researcher to reflect on the study and to identify areas for future research.

6. The sixth part of the document provides a detailed description of the research methodology. This includes a discussion of the research design, the selection of participants, and the procedures used to collect and analyze the data.

7. The seventh part of the document discusses the ethical considerations that must be taken into account when conducting research. This includes issues such as informed consent, confidentiality, and the potential for harm to participants.

8. The eighth part of the document provides a detailed description of the research findings. This includes a discussion of the results of the data analysis and a comparison of these results with the findings of previous research.

9. The ninth part of the document discusses the implications of the research for practice. This involves identifying the key findings that have the most significant impact on the field and discussing how these findings can be used to inform decision-making.

10. The tenth part of the document concludes with a final summary of the research and a discussion of the limitations of the study. This is an important step in the research process, as it allows the researcher to reflect on the study and to identify areas for future research.

11. The eleventh part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. This is essential for ensuring the integrity of the financial statements and for providing a clear audit trail.

12. The twelfth part of the document outlines the various methods used to collect and analyze data. These methods include interviews, surveys, and focus groups, each of which has its own strengths and limitations.

13. The thirteenth part of the document describes the process of data analysis. This involves identifying patterns and trends in the data, as well as testing hypotheses and drawing conclusions based on the results.

14. The fourteenth part of the document discusses the importance of reporting the results of the research. This involves presenting the findings in a clear and concise manner, as well as providing a detailed explanation of the methods used and the limitations of the study.

15. The fifteenth part of the document concludes with a summary of the key findings and a discussion of the implications of the research. This is an important step in the research process, as it allows the researcher to reflect on the study and to identify areas for future research.

16. The sixteenth part of the document provides a detailed description of the research methodology. This includes a discussion of the research design, the selection of participants, and the procedures used to collect and analyze the data.

17. The seventeenth part of the document discusses the ethical considerations that must be taken into account when conducting research. This includes issues such as informed consent, confidentiality, and the potential for harm to participants.

18. The eighteenth part of the document provides a detailed description of the research findings. This includes a discussion of the results of the data analysis and a comparison of these results with the findings of previous research.

19. The nineteenth part of the document discusses the implications of the research for practice. This involves identifying the key findings that have the most significant impact on the field and discussing how these findings can be used to inform decision-making.

20. The twentieth part of the document concludes with a final summary of the research and a discussion of the limitations of the study. This is an important step in the research process, as it allows the researcher to reflect on the study and to identify areas for future research.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí công trình xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên giá trị hợp đồng công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. This is essential for ensuring the integrity of the financial data and for providing a clear audit trail.

2. The second part of the document outlines the various methods used to collect and analyze data. These methods include direct observation, interviews, and the use of specialized software tools.

3. The third part of the document describes the results of the data collection and analysis. It shows that there are significant differences in the way that different groups of people use the system.

4. The fourth part of the document discusses the implications of these findings for the design and implementation of the system. It suggests that the system should be designed to be more user-friendly and to provide more support for the different groups of users.

5. The fifth part of the document concludes the report and provides a summary of the key findings and recommendations. It emphasizes the need for ongoing monitoring and evaluation of the system to ensure that it continues to meet the needs of the users.

6. The sixth part of the document provides a list of references and sources used in the research. These include books, articles, and other documents that provide background information on the topics discussed in the report.

7. The seventh part of the document provides a list of appendices and supplementary materials. These include data tables, charts, and other documents that provide additional information and support for the findings of the report.

8. The eighth part of the document provides a list of acknowledgments and thanks to the individuals and organizations that provided support and assistance during the course of the research.

9. The ninth part of the document provides a list of abbreviations and acronyms used throughout the report. This helps to ensure that the reader can understand the meaning of the terms used in the document.

10. The tenth part of the document provides a list of figures and tables included in the report. This helps to ensure that the reader can find the information they need quickly and easily.

11. The eleventh part of the document provides a list of footnotes and endnotes. These provide additional information and references that are not included in the main text of the report.

12. The twelfth part of the document provides a list of references and sources used in the research. These include books, articles, and other documents that provide background information on the topics discussed in the report.

13. The thirteenth part of the document provides a list of appendices and supplementary materials. These include data tables, charts, and other documents that provide additional information and support for the findings of the report.

14. The fourteenth part of the document provides a list of acknowledgments and thanks to the individuals and organizations that provided support and assistance during the course of the research.

15. The fifteenth part of the document provides a list of abbreviations and acronyms used throughout the report. This helps to ensure that the reader can understand the meaning of the terms used in the document.

16. The sixteenth part of the document provides a list of figures and tables included in the report. This helps to ensure that the reader can find the information they need quickly and easily.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	7.917.172	30.537.532
Tiền gửi ngân hàng	9.518.872.073	8.226.952.825
Cộng	9.526.789.245	8.257.490.357

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Việt Á (i)	21.703.693.116	21.703.693.116	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	950.000.000	950.000.000
Cộng	21.703.693.116	21.703.693.116	70.950.000.000	70.950.000.000
b. Dài hạn				
Trái phiếu (ii)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 07 tháng, lãi suất 8,7%/năm.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản đầu tư dài hạn là 1.500 trái phiếu dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với kì hạn 07 năm, lãi trái phiếu trả định kỳ 01 năm một lần với lãi suất tương đương 8%/năm. Trái phiếu này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long.

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. This is essential for ensuring the integrity of the financial data and for facilitating the audit process.

2. The second part of the document outlines the various methods used to collect and analyze data. These methods include direct observation, interviews, and the use of statistical models to identify trends and patterns in the data.

3. The third part of the document describes the results of the data analysis. The findings indicate that there is a significant correlation between the variables studied, and that the data supports the hypotheses proposed in the research.

4. The fourth part of the document discusses the implications of the findings for practice and policy. The results suggest that there are several areas where improvements can be made, and that these improvements could have a positive impact on the overall system.

5. The fifth part of the document concludes the study and provides a summary of the key findings. It also identifies the limitations of the study and suggests areas for future research.

6. The sixth part of the document provides a detailed description of the methodology used in the study. This includes information about the sample size, the data collection process, and the statistical tests used to analyze the data.

7. The seventh part of the document discusses the ethical considerations that were taken into account during the study. This includes information about the informed consent process and the measures taken to protect the privacy of the participants.

8. The eighth part of the document provides a detailed description of the results of the data analysis. This includes information about the mean values, standard deviations, and the results of the statistical tests.

9. The ninth part of the document discusses the implications of the findings for practice and policy. The results suggest that there are several areas where improvements can be made, and that these improvements could have a positive impact on the overall system.

10. The tenth part of the document concludes the study and provides a summary of the key findings. It also identifies the limitations of the study and suggests areas for future research.

11. The eleventh part of the document provides a detailed description of the methodology used in the study. This includes information about the sample size, the data collection process, and the statistical tests used to analyze the data.

12. The twelfth part of the document discusses the ethical considerations that were taken into account during the study. This includes information about the informed consent process and the measures taken to protect the privacy of the participants.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	17.409.874.008	13.831.041.161
Công ty Cổ phần đầu tư Mai Linh	14.687.306.426	4.735.307.192
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 578	14.503.806.049	14.503.806.049
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	13.783.807.403	27.662.534.224
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	8.936.478.335	8.936.478.335
Công ty Cổ phần tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	8.673.591.895	-
BQLDA Đầu tư Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc	8.548.827.170	8.548.827.170
Công ty Cổ phần LICOGI 13	5.714.775.233	20.252.136.295
Các đối tượng khác	68.449.413.015	75.323.539.154
Cộng	181.969.474.373	195.055.264.419
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	30.662.102.929	35.235.638.179

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - Licogi	38.472.872.158	37.779.352.629
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.813.710.792	10.455.219.124
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Trả trước cho người bán khác	16.777.065.812	12.390.285.042
Cộng	69.759.438.339	64.320.646.372
Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	53.047.831.094	51.995.819.897

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (i)	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (ii)	195.303.623.180	191.603.623.180
Cộng	196.903.623.180	193.203.623.180
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (iii)	3.860.000.000	-
Cộng	3.860.000.000	-
Phải thu về cho vay là bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)</i>	200.763.623.180	193.203.623.180

1. Introduction
2. Methodology
3. Results
4. Discussion
5. Conclusion

6. References
7. Appendix
8. Glossary
9. Index

10. Bibliography
11. Acknowledgements
12. Author's Note

13. Abstract
14. Executive Summary
15. Table of Contents

16. Introduction
17. Methodology
18. Results
19. Discussion
20. Conclusion

21. References
22. Appendix
23. Glossary
24. Index

25. Bibliography
26. Acknowledgements
27. Author's Note

28. Abstract
29. Executive Summary
30. Table of Contents

31. Introduction
32. Methodology
33. Results
34. Discussion
35. Conclusion

36. References
37. Appendix
38. Glossary
39. Index

40. Bibliography
41. Acknowledgements
42. Author's Note

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP THEO)**

- (i) Khoản cho vay theo các hợp đồng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25 tháng 04 năm 2017, số tiền cho vay là 1.600.000.000 đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ, các hình thức đảm bảo tiền vay là nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty Cổ phần cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMĐN/CKĐA ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Theo phụ lục vay vốn ngày 26 tháng 04 năm 2020, số tiền nợ và kỳ trả nợ gốc vay được gia hạn từ 26 tháng 04 năm 2020 đến khi gán trừ được khoản thanh toán. Lãi suất 9,5%/năm.

- (ii) Khoản cho vay theo hợp đồng nguyên tắc số 04/2017/HĐVV/LICOGI-NOĐT ngày 31 tháng 03 năm 2017, số tiền cho vay tối đa là 351.802.000.000 đồng, thời hạn cho vay tính từ ngày giải ngân đến 15 tháng 08 năm 2019. Đơn vị vay để thực hiện dự án Khu Đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn thay đổi, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ bằng 110% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

Theo phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 31 tháng 12 năm 2022, số tiền nợ và kỳ trả nợ gốc vay được gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2023. Lãi suất 16%/năm.

- (iii) Các khoản cho vay theo hợp đồng hỗ trợ vay vốn, thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Đơn vị vay để phục vụ chi phí hoạt động thường xuyên và chi phí hỗ trợ thuê nhà tạm cư năm 2023 cho các hộ dân phường Tương Mai, phường Thịnh Liệt để thực hiện Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Phí hỗ trợ vốn là 8%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ phần hóa	3.628.215.586	3.628.215.586
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.794.626.900	2.410.697.708
Phải thu người lao động	2.778.279.854	2.832.839.854
Tạm ứng	23.596.631.075	26.926.900.042
Phải thu các bên liên quan khác	12.434.034.148	12.916.795.254
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (i)	176.909.841.975	145.565.610.128
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu lãi vay Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (ii)	72.992.608.004	72.992.608.004
Phải thu khác	34.229.979.418	21.487.868.225
Cộng	354.857.620.909	314.254.938.750
Phải thu khác là bên liên quan	195.766.718.609	164.521.318.676

(Chi tiết xem tại thuyết minh VII.1)

- (i) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án Khu Đô thị mới Thịnh Liệt, các khoản Tổng Công ty cho Công ty con vay, tạm ứng để thực hiện dự án.
- (ii) Tổng giá trị khoản phải thu về chi phí lãi vay lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 72,99 tỷ. Trong năm, Tổng Công ty không vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác.

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. This is essential for ensuring the integrity of the financial data and for providing a clear audit trail.

2. The second part of the document outlines the various methods used to collect and analyze data. These methods include direct observation, interviews, and the use of specialized software tools.

3. The third part of the document describes the results of the data collection and analysis. The findings indicate that there are significant areas for improvement in the current processes, particularly in the areas of data accuracy and reporting efficiency.

4. The fourth part of the document provides recommendations for addressing the identified issues. These recommendations include implementing more rigorous data entry protocols, providing additional training for staff, and investing in more advanced data management software.

5. The fifth part of the document discusses the implementation of the recommended changes. This section details the timeline for the implementation and the roles and responsibilities of the various stakeholders involved in the process.

6. The sixth part of the document provides a summary of the key findings and recommendations. This section is intended to provide a clear and concise overview of the entire report for those who may not have time to read the full document.

7. The seventh part of the document includes a list of references and a list of appendices. The references provide additional resources for those who wish to explore the topics discussed in the report in more detail.

8. The eighth part of the document contains a list of figures and tables. These visual aids are used to present complex data in a more accessible and understandable format.

9. The ninth part of the document includes a list of abbreviations and a list of acronyms. This section is used to define the terms and symbols used throughout the report to ensure clarity and consistency.

10. The tenth part of the document is a concluding statement that summarizes the overall purpose and findings of the report. It also expresses the author's confidence in the accuracy and reliability of the data presented.

11. The eleventh part of the document is a list of contact information for the author and the organization. This information is provided for those who may have questions or need further information regarding the report.

12. The twelfth part of the document is a list of acknowledgments. This section is used to thank the individuals and organizations that provided support and assistance during the course of the project.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng
	VND	có thể thu hồi VND	VND	VND	có thể thu hồi VND	VND
a. Phải thu khách hàng	41.768.709.848	-	(41.768.709.848)	41.277.841.348	-	(41.277.841.348)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	(21.261.594.839)	21.261.594.839	-	(21.261.594.839)
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	-	(4.449.989.593)	4.449.989.593	-	(4.449.989.593)
Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 1 TP. HCM	2.672.614.907	-	(2.672.614.907)	2.672.614.907	-	(2.672.614.907)
Công ty Cổ phần KT Đô thị Nam Thăng Long	1.982.135.768	-	(1.982.135.768)	1.982.135.768	-	(1.982.135.768)
Công trình Khu liên hợp thể thao Quốc gia	1.696.290.575	-	(1.696.290.575)	1.696.290.575	-	(1.696.290.575)
Phải thu khách hàng khác	9.706.084.166	-	(9.706.084.166)	9.215.215.666	-	(9.215.215.666)
b. Phải thu khác	62.060.316.068	-	(62.060.316.068)	61.560.316.068	-	(61.560.316.068)
Công ty Xây dựng 19	4.337.712.455	-	(4.337.712.455)	4.337.712.455	-	(4.337.712.455)
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác cảng	250.000.000	-	(250.000.000)	250.000.000	-	(250.000.000)
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	(25.493.403.949)	25.493.403.949	-	(25.493.403.949)
Ban điều hành Thủy điện Sơn La	407.283.893	-	(407.283.893)	407.283.893	-	(407.283.893)
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	-	(6.079.942.000)	6.079.942.000	-	(6.079.942.000)
Phải thu đối tượng khác	25.491.973.771	-	(25.491.973.771)	24.991.973.771	-	(24.991.973.771)
c. Trả trước cho người bán	7.128.842.537	-	(7.128.842.537)	6.930.243.271	-	(6.930.243.271)
Công ty Thiết bị Công nghiệp XD Công nghệ	333.599.600	-	(333.599.600)	333.599.600	-	(333.599.600)
Công ty Cổ phần Licogi 13 XD và kỹ thuật công trình	440.835.303	-	(440.835.303)	440.835.303	-	(440.835.303)
Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	-	(3.695.789.577)	3.695.789.577	-	(3.695.789.577)
Trả trước cho người bán khác	2.658.618.057	-	(2.658.618.057)	2.460.018.791	-	(2.460.018.791)
Cộng	110.957.868.453	-	(110.957.868.453)	109.768.400.687	-	(109.768.400.687)

Let $f: \mathbb{R}^n \rightarrow \mathbb{R}^m$ be a function. The Jacobian matrix of f at a point $\mathbf{x} \in \mathbb{R}^n$ is the $m \times n$ matrix $J_f(\mathbf{x})$ whose entries are the partial derivatives of the components of f at \mathbf{x} .

If f is differentiable at \mathbf{x} , then the linear map $J_f(\mathbf{x})$ is the best linear approximation to f at \mathbf{x} . In other words, $J_f(\mathbf{x})(\mathbf{h})$ is the linear approximation to $f(\mathbf{x} + \mathbf{h}) - f(\mathbf{x})$ for small \mathbf{h} .

The chain rule states that if $f: \mathbb{R}^n \rightarrow \mathbb{R}^m$ and $g: \mathbb{R}^m \rightarrow \mathbb{R}^k$ are differentiable at \mathbf{x} and $f(\mathbf{x})$ respectively, then the composition $g \circ f$ is differentiable at \mathbf{x} and $J_{g \circ f}(\mathbf{x}) = J_g(f(\mathbf{x})) J_f(\mathbf{x})$.

For a function $f: \mathbb{R}^n \rightarrow \mathbb{R}$, the gradient vector $\nabla f(\mathbf{x})$ is the row vector of partial derivatives of f at \mathbf{x} . It is the unique vector such that $J_f(\mathbf{x}) = \nabla f(\mathbf{x})$.

The directional derivative of f at \mathbf{x} in the direction of a unit vector \mathbf{u} is the scalar $\nabla f(\mathbf{x}) \cdot \mathbf{u}$. It represents the rate of change of f at \mathbf{x} in the direction \mathbf{u} .

For a function $f: \mathbb{R}^n \rightarrow \mathbb{R}$, the level set of f at a value c is the set of points \mathbf{x} such that $f(\mathbf{x}) = c$. The gradient vector $\nabla f(\mathbf{x})$ is perpendicular to the level set of f at \mathbf{x} .

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.388.724.779	(867.221.325)	1.388.724.779	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.623.584.692	-	42.573.429.474	-
Thành phẩm	2.556.329	-	2.556.329	-
Cộng	43.644.893.490	(867.221.325)	44.594.738.272	(867.221.325)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Khu công nghiệp Liên Hà Thái (Thái Bình)	15.439.716.629	497.910.897
Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa - gói 10	4.051.799.259	10.728.900.703
Các dự án khác	22.132.068.804	31.346.617.874
Cộng	41.623.584.692	42.573.429.474

10/15/2011 10:10 AM

10/15/2011 10:10 AM

10/15/2011 10:10 AM

10/15/2011 10:10 AM

10/15/2011 10:10 AM



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	42.880.296.049	359.596.870.190	16.200.390.561	1.940.569.147	420.618.125.947
Tăng khác	-	1.253.112.716	-	-	1.253.112.716
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.755.667.691)	(2.675.511.127)	-	(27.431.178.818)
Tại ngày cuối năm	42.880.296.049	336.094.315.215	13.524.879.434	1.940.569.147	394.440.059.845
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	35.683.218.659	272.998.289.557	15.981.423.371	1.678.141.688	326.341.073.275
Khấu hao trong năm	993.029.091	11.423.421.345	104.353.404	122.244.747	12.643.048.587
Tăng khác	-	1.253.112.716	-	-	1.253.112.716
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.213.337.289)	(2.675.511.127)	-	(26.888.848.416)
Tại ngày cuối năm	36.676.247.750	261.461.486.329	13.410.265.648	1.800.386.435	313.348.386.162
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	7.197.077.390	86.598.580.633	218.967.190	262.427.459	94.277.052.672
Tại ngày cuối năm	6.204.048.299	74.632.828.886	114.613.786	140.182.712	81.091.673.683

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 204.208.724.172 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 190.252.646.754 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là đồng 63.523.356.124 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 76.279.002.454 đồng).

807 271 205 7700 2011

... ..
... ..
... ..
... ..

... ..
... ..
... ..
... ..

... ..

... ..



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
Cộng	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314

08/10/2023

1. Introduction
2. Methodology
3. Results
4. Discussion
5. Conclusion

1. Introduction

2. Methodology

3. Results

4. Discussion

5. Conclusion

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	26.637.347	338.921.145
Cộng	26.637.347	338.921.145
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa cải tạo	913.401.468	1.215.997.881
Cộng	913.401.468	1.215.997.881

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại lô E7 đường Phạm Hùng (i)	9.671.801.536	9.671.801.536
Dự án tòa nhà văn phòng và nhà ở CBNV Licogi	583.545.455	583.545.455
Chi phí xây dựng cơ bản khác	99.000.000	96.000.000
Cộng	10.354.346.991	10.351.346.991

- (i) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất cho Sở tài chính Hà Nội số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2006.

Ngày 10 tháng 08 năm 2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	1.529.568	34.476.838.106	-	1.529.568	34.476.838.106	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	27.609.700	300.945.730.000	-	27.609.700	300.945.730.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	288.000	3.177.150.487	-	288.000	3.177.150.487	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	2.563.566	38.178.368.992	-	2.563.566	38.178.368.992	-
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	1.226.400	16.855.532.723	(16.855.532.723)	1.226.400	16.855.532.723	(16.855.532.723)
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	675.240	10.110.056.968	(10.110.056.968)	675.240	10.110.056.968	(10.110.056.968)
Công ty Cổ phần Licogi 15	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)
Công ty Cổ phần Licogi 17	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi		900.000.000.000	-		900.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2		90.000.000.000	(14.804.286.576)		90.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Tổng hợp LICOGI		5.000.000.000	-		-	-
Cộng		1.448.580.147.489	(91.606.346.480)		1.443.580.147.489	(76.802.059.904)

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đang sử dụng 27.609.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (giá gốc 300.945.730.000 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (15.609.700 cổ phiếu) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (12.000.000 cổ phiếu). Chi tiết tại thuyết minh số V.21.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đang sử dụng 1.529.568 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (giá gốc 34.476.838.106 đồng), 288.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi (giá gốc 3.177.150.487 đồng), 675.240 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (giá gốc 10.110.056.968 đồng) và 563.290 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 17 (giá gốc 10.393.670.213 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm. Chi tiết tại thuyết minh số V.21.

2019/10/10

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. It emphasizes that every entry should be supported by a valid receipt or invoice. This not only helps in tracking expenses but also ensures compliance with tax regulations.

In the second section, the author details the process of reconciling bank statements with the company's ledger. It is noted that any discrepancies should be investigated immediately to prevent errors from compounding over time.

The third part of the document covers the topic of budgeting. It suggests that a well-defined budget can help in controlling costs and identifying areas where savings can be made. Regular monitoring of the budget is essential for staying on track.

Finally, the document concludes with a reminder to always double-check calculations and maintain a clear audit trail. This practice is crucial for the overall financial health and transparency of the organization.



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP THEO)**

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đang sử dụng 1.226.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi (giá gốc 16.855.532.723 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay tại Tập đoàn Sông Đà. Chi tiết tại thuyết minh số V.21.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	27.064.983	280.746.574.730	-	27.064.983	280.746.574.730	-
Công ty Cổ phần Licogi 14	5.856.010	39.843.253.946	-	6.856.010	46.647.076.676	-
Công ty Cổ phần Licogi 19	190.008	1.999.068.969	-	190.008	1.999.068.969	-
Cộng		322.588.897.645	-		329.392.720.375	-

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đang sử dụng 5.856.010 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 (giá gốc 39.843.253.946 đồng) và 27.064.983 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (giá gốc 280.746.574.730 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lâm, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần Club M. Chi tiết tại thuyết minh số V.21.

100 100 100

100 100 100

100 100 100



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

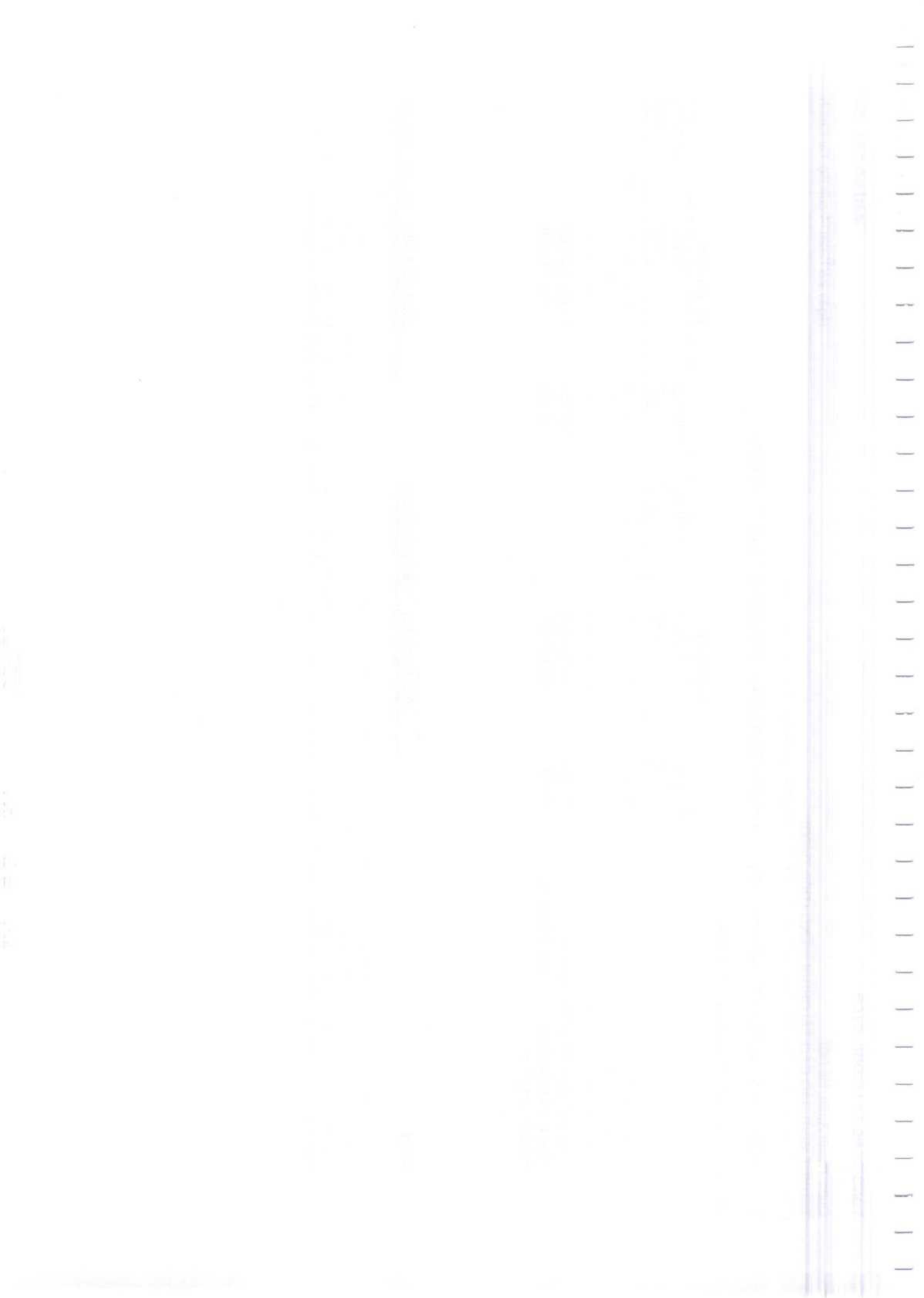
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Licogi 12	596.700	7.895.068.192	(5.132.347.192)	596.700	7.895.068.192	(5.108.479.192)
Công ty Cổ phần Licogi 13	2.717.573	25.001.671.600	(13.098.701.860)	2.717.573	25.001.671.600	(14.946.651.500)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	1.518.750	10.530.000.000	-	1.518.750	10.530.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	1.375.381	13.753.805.608	-	1.375.381	13.753.805.608	-
Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	-	300.000	780.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	100.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)	100.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	(300.000.000)	30.000	300.000.000	(300.000.000)
Cộng		59.260.545.400	(19.531.049.052)		59.260.545.400	(21.355.130.692)

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đang sử dụng 1.518.750 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 (giá gốc 10.530.000.000 đồng), 2.717.573 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13 (giá gốc 25.001.671.600 đồng), 596.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 12 (giá gốc 7.895.068.192 đồng) và 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn (giá gốc 780.000.000 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm, Công ty Cổ phần Club M và Tập đoàn Sông Đà. Chi tiết tại thuyết minh số V.21.



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Licogi 17	31.134.314.283	31.134.314.283	10.470.494.020	10.470.494.020
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	24.784.410.896	24.784.410.896	24.784.410.896	24.784.410.896
Công ty Cổ phần Licogi 13	24.696.512.128	24.696.512.128	34.399.013.628	34.399.013.628
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1	16.430.964.213	16.430.964.213	16.730.964.213	16.730.964.213
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	13.889.964.888	13.889.964.888	29.452.679.999	29.452.679.999
Công ty Cổ phần Licogi 10	12.476.918.235	12.476.918.235	12.993.655.193	12.993.655.193
Công ty Cổ phần Licogi 16	11.424.415.535	11.424.415.535	29.495.610.739	29.495.610.739
Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9	10.294.210.438	10.294.210.438	16.504.684.030	16.504.684.030
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Hoàng Anh	9.869.505.614	9.869.505.614	9.869.505.614	9.869.505.614
Thầu phụ của Ban ĐH Dung Quất	9.358.015.247	9.358.015.247	9.358.015.247	9.358.015.247
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	2.313.680.987	2.313.680.987	4.033.761.577	4.033.761.577
Phải trả cho các đối tượng khác	82.381.752.536	82.381.752.536	81.146.782.563	81.146.782.563
Cộng	249.054.665.000	249.054.665.000	279.239.577.719	279.239.577.719
Phải trả người bán là bên liên quan	70.641.437.456	70.641.437.456	75.949.103.757	75.949.103.757

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	47.681.291.600	47.681.291.600	65.700.000.000	65.700.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	39.372.582.292	39.372.582.292	39.372.582.292	39.372.582.292
Công ty TNHH DV và PT bất động sản Bài hát yêu thích	32.295.760.000	32.295.760.000	-	-
Công ty Cổ phần Green i-Park	21.221.433.428	21.221.433.428	-	-
Công ty Cổ phần Beru Group	7.473.037.601	7.473.037.601	7.473.037.601	7.473.037.601
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592
Công trình Nhà máy Đóng tàu Dung Quất	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907
Công ty Cổ phần Tập đoàn MIK Group Việt Nam	-	-	10.368.934.115	10.368.934.115
Người mua trả tiền trước khác	2.389.512.055	2.389.512.055	2.037.395.662	2.037.395.662
Cộng	161.233.731.475	161.233.731.475	135.752.064.169	135.752.064.169
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan	87.053.873.892	87.053.873.892	115.441.516.407	115.441.516.407

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

Page 1 of 1

1. The first part of the document is a list of items.

2. The second part of the document is a list of items.

3. The third part of the document is a list of items.

4. The fourth part of the document is a list of items.

5. The fifth part of the document is a list of items.

6. The sixth part of the document is a list of items.

7. The seventh part of the document is a list of items.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	355.004.536	-	-	355.004.536
Cộng	355.004.536	-	-	355.004.536
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	18.271.861.728	29.773.034.723	29.773.034.723	18.271.861.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.171.464.234	-	-	1.171.464.234
Thuế thu nhập cá nhân	361.402.135	1.369.146.398	1.232.116.705	224.372.442
Thuế bảo vệ môi trường	36.298.900	-	-	36.298.900
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	30.302.198.896	855.818.023	3.000.000	29.449.380.873
Cộng	50.143.225.893	31.997.999.144	31.008.151.428	49.153.378.177

Page 1 of 1

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records.

2. It then goes on to describe the various methods used to collect and analyze data.

3. The results of the study are presented in the following table, which shows the distribution of responses.

4. Finally, the document concludes with a discussion of the implications of the findings and suggestions for future research.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	238.412.560.386	258.697.027.610
Chi phí trích trước các công trình	46.536.860.740	46.545.925.031
Trong đó:		
- Công trình Suối chặn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Công trình đại học quốc gia	4.704.207.944	4.713.272.235
- Dự án 20 Cộng Hòa	6.823.705.099	6.823.705.099
- Công trình thủy điện Bản Chát	7.343.716.979	7.343.716.979
- Công trình khu liên hợp sản xuất Hòa Phát Dung Quất	870.632.058	870.632.058
Chi phí phải trả khác	27.212.861.667	25.343.309.392
Cộng	312.162.282.793	330.586.262.033
Chi phí phải trả là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	152.981.953.570	125.725.570.737

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	1.422.437.682	1.625.408.207
Bảo hiểm xã hội	10.694.815.613	10.287.046.875
Bảo hiểm y tế	677.217.054	803.717.401
Bảo hiểm thất nghiệp	568.752.856	874.306.477
Phải trả về CP hoá	-	14.112.595.415
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	8.995.046.146	7.581.964.374
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
Công ty TNHH Thanh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (i)	25.254.016.850	22.422.151.075
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (chi phí lãi vay)	794.109.590	3.125.205.479
Các khoản khác	3.748.351.924	2.983.644.078
Cộng	56.101.280.281	67.762.571.947
b. Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (ii)	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000
Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	94.249.062.996	90.004.115.449

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes the need for transparency and accountability in financial reporting.

2. The second part of the document outlines the various methods and techniques used to collect and analyze data. It includes a detailed description of the experimental procedures and the statistical tools employed.

3. The third part of the document presents the results of the study, including a comparison of the different methods and a discussion of the factors that influence the outcomes. It also includes a series of graphs and tables to illustrate the data.

4. The fourth part of the document discusses the implications of the findings and the potential applications of the research. It highlights the need for further studies and the importance of continuing to refine and improve the methods used.

5. The fifth part of the document provides a summary of the key findings and conclusions. It also includes a list of references and a bibliography of the sources used in the study.

6. The sixth part of the document contains a series of appendices, including a list of abbreviations and a glossary of terms. It also includes a detailed description of the experimental setup and the equipment used.

7. The seventh part of the document provides a list of the authors and their affiliations. It also includes a statement of the funding sources and the support provided for the study.

8. The eighth part of the document contains a series of footnotes and a list of references. It also includes a detailed description of the experimental setup and the equipment used.

9. The ninth part of the document provides a list of the authors and their affiliations. It also includes a statement of the funding sources and the support provided for the study.

10. The tenth part of the document contains a series of footnotes and a list of references. It also includes a detailed description of the experimental setup and the equipment used.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

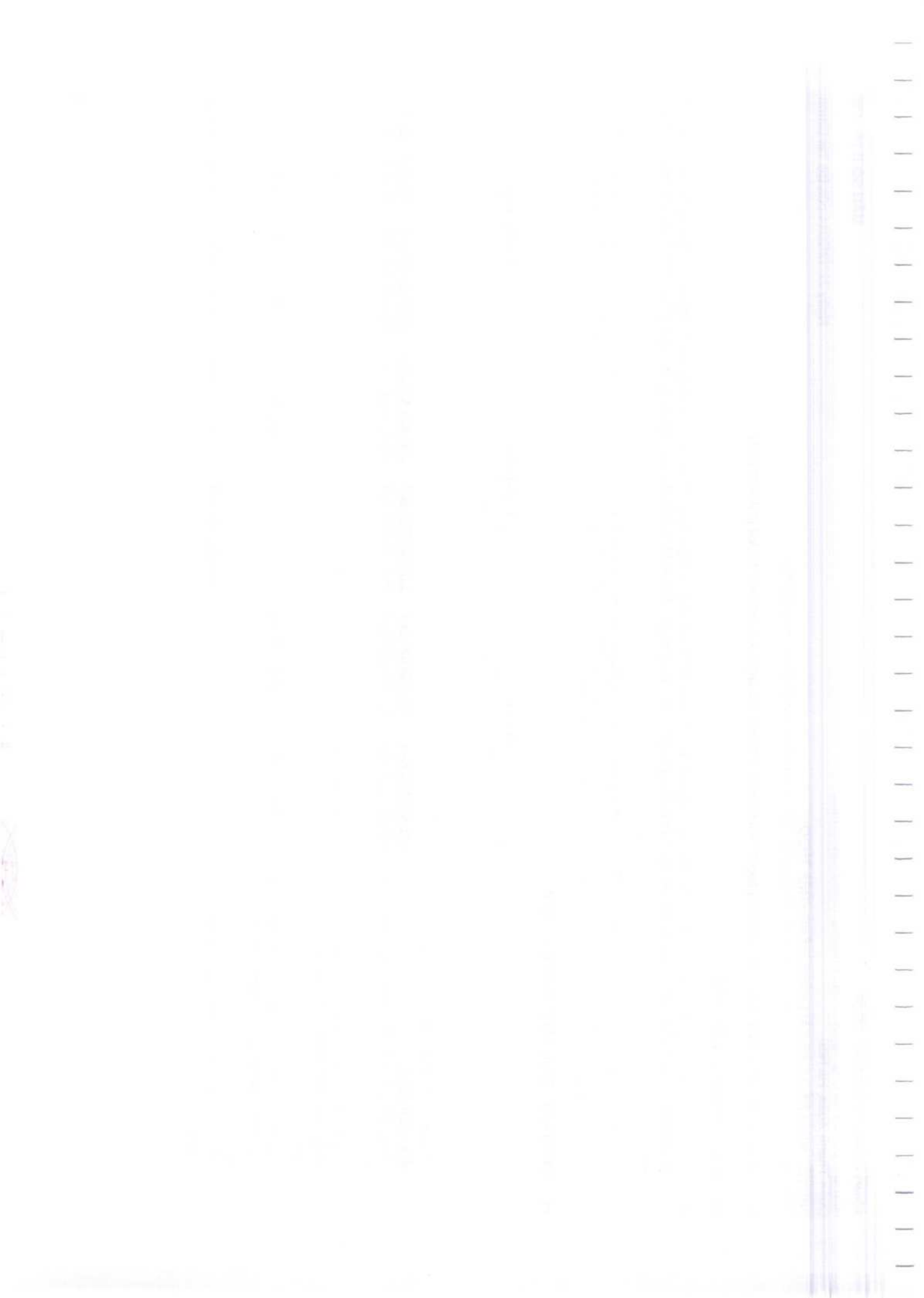
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**20. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)**

- (i) Khoản phải trả bao gồm phải trả về chi phí lãi vay của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 và phải trả do nhận ứng trước từ hợp đồng số 04/2008/HĐĐT-XDC2-TL ngày 08/08/2008 về việc Tổng Công ty giao đất cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 thực hiện triển khai dự án Thịnh Liệt.
- (ii) Ngày 25 tháng 09 năm 2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngân hàng	336.655.024.544	336.655.024.544	328.647.725.267	360.895.433.902	368.902.733.179	368.902.733.179
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	251.991.247.446	251.991.247.446	299.197.725.267	300.019.441.031	252.812.963.210	252.812.963.210
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm (ii)	76.769.609.482	76.769.609.482	-	20.125.992.871	96.895.602.353	96.895.602.353
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (iii)	7.894.167.616	7.894.167.616	-	1.800.000.000	9.694.167.616	9.694.167.616
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Đông	-	-	29.450.000.000	38.950.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay các đơn vị	425.555.986.589	425.555.986.589	379.771.843.836	360.855.712.160	406.639.854.913	406.639.854.913
- Công ty Cổ phần Azura (iv)	-	-	-	225.091.643.836	225.091.643.836	225.091.643.836
- Công ty cổ phần CLUB M (iv)	202.591.643.836	202.591.643.836	202.591.643.836	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông (v)	64.137.197.156	64.137.197.156	100.780.200.000	74.994.200.000	38.351.197.156	38.351.197.156
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (vi)	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Đông Anh Licogi (vii)	32.164.070.414	32.164.070.414	55.000.000.000	56.769.868.324	33.933.938.738	33.933.938.738
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (viii)	11.641.339.779	11.641.339.779	-	-	11.641.339.779	11.641.339.779
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (ix)	12.500.000.000	12.500.000.000	14.400.000.000	1.900.000.000	-	-
- Tập đoàn Sông Đà (x)	8.400.000.000	8.400.000.000	-	100.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
- Các đơn vị khác (xi)	9.121.735.404	9.121.735.404	7.000.000.000	2.000.000.000	4.121.735.404	4.121.735.404
Vay cá nhân (xi)	38.445.571.986	38.445.571.986	5.416.691.677	9.224.270.053	42.253.150.362	42.253.150.362
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	800.656.583.119	800.656.583.119	713.836.260.780	730.975.416.115	817.795.738.454	817.795.738.454
Cộng Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	800.656.583.119	800.656.583.119	-	-	817.795.738.454	817.795.738.454
Vay và nợ ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	125.442.607.349	125.442.607.349	-	-	83.926.475.673	83.926.475.673

Handwritten notes on the left margin.

Faint, illegible text in the upper section of the page.

Faint, illegible text in the middle section of the page.

Faint, illegible text in the lower section of the page.

Faint, illegible text in the bottom section of the page.



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/134627/HĐTD ngày 29 tháng 09 năm 2023. Hạn mức cấp tín dụng là 355.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức cho vay là 255 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2024. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tổng Công ty sử dụng một số máy móc thiết bị và tài sản cổ phiếu (1.050.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14) thuộc sở hữu của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-202101881 ngày 22 tháng 12 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức vay ngắn hạn tối đa 97.000.000.000 đồng, hạn mức cấp bảo lãnh là 3.000.000.000 đồng. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ tối thiểu 3 tháng 1 lần, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 - 2022. Tổng Công ty sử dụng máy móc thiết bị, cổ phiếu (1.518.750 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18, 468.898 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 462.356 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 288.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi, 563.290 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 17, 1.529.568 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và 675.240 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10) thuộc sở hữu của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21 tháng 07 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL06.2024 ngày 07 tháng 02 năm 2024.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tài sản bảo đảm bao gồm: Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo HĐ thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25 tháng 12 năm 2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28 tháng 12 năm 2015 (Phạm vi bảo đảm cho dư nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng); và 3 xe ô tô tự đổ, 2 máy xúc thủy lực bánh xích gầu nghịch, 3 xe ô tô Mix vận chuyển bê tông theo hợp đồng thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25 tháng 12 năm 2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28 tháng 12 năm 2015 (Phạm vi bảo đảm là 3.750.000.000 đồng). Số dư nợ gốc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.894.167.616 đồng.
- Theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 09 năm 2020, khoản vay sẽ được trả dần đến tháng 10 năm 2022. Trường hợp thực hiện xong việc thoái vốn trước tháng 10 năm 2022, Tổng Công ty cam kết tất toán toàn bộ khoản vay ngay sau khi thoái vốn. Đến nay, Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện xong việc thoái vốn.
- (iv) Hợp đồng vay số 10-2019/HĐV_LICOGI ký ngày 22 tháng 04 năm 2019 giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và Công ty Cổ phần AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22 tháng 04 năm 2019 đến ngày 22 tháng 07 năm 2019. Tài sản đảm bảo là 26.602.627 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 4.337.112 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm.

Trong năm, Công ty Cổ phần AZURA đã hoàn thành thủ tục chuyển giao toàn bộ khoản nợ của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Club M theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/HĐMBN/ARZ-CLM ngày 26 tháng 05 năm 2023. Số tiền vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 202.591.643.836 đồng, lãi suất vay là 14%/năm.

1880 1881 1882 1883 1884 1885 1886 1887 1888 1889 1890 1891 1892 1893 1894 1895 1896 1897 1898 1899 1900

Faint, illegible text, possibly bleed-through from the reverse side of the page.

1880 1881 1882 1883 1884 1885 1886 1887 1888 1889 1890 1891 1892 1893 1894 1895 1896 1897 1898 1899 1900

1880 1881 1882 1883 1884 1885 1886 1887 1888 1889 1890 1891 1892 1893 1894 1895 1896 1897 1898 1899 1900



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- (v) Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng tối đa là 12 tháng.
- (vi) Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU ký ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 11%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi.

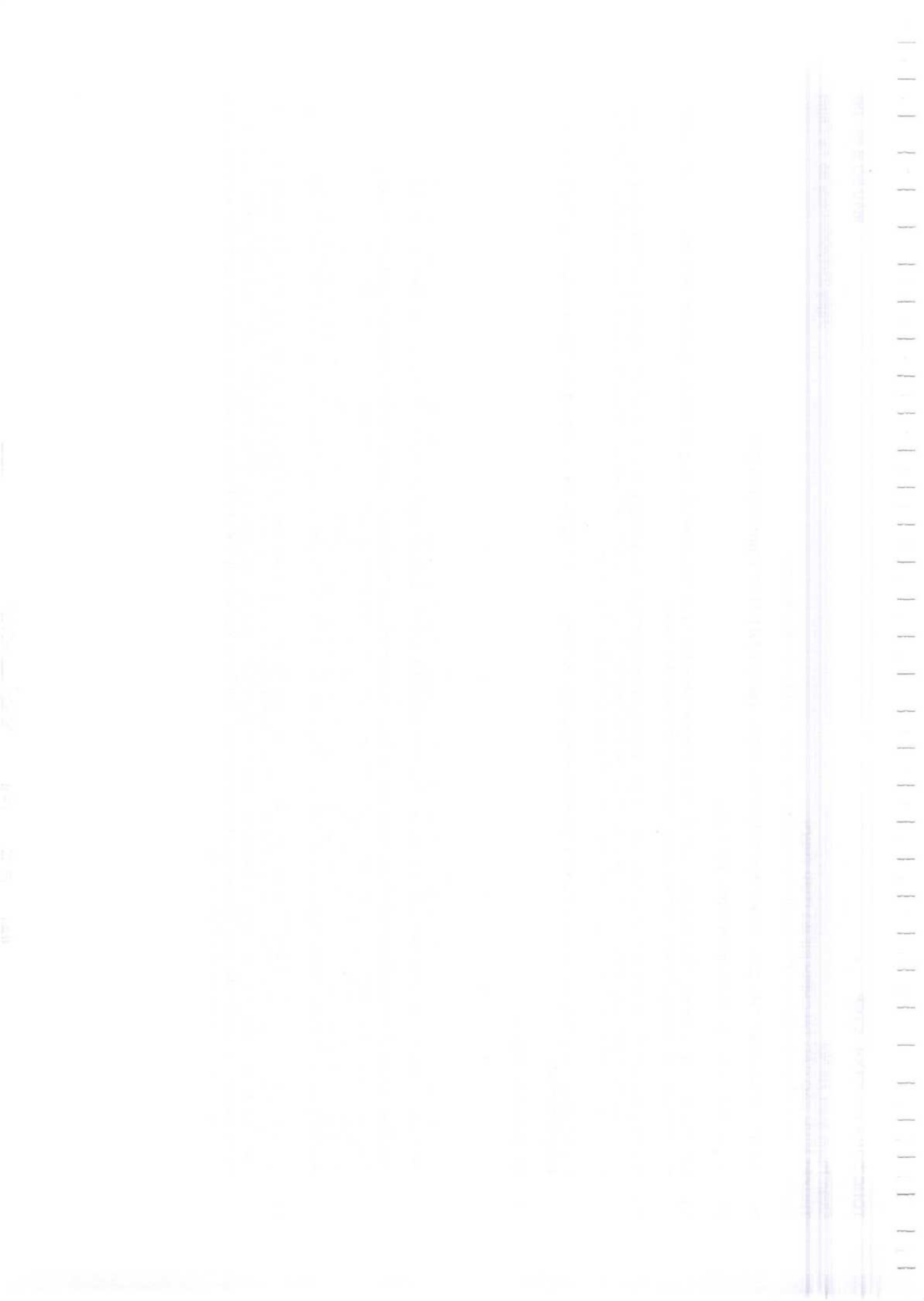
Phụ lục gia hạn Hợp đồng vay vốn số 07/PLHĐVV/LICOGI-XUANCAU ngày 30 tháng 12 năm 2022 gia hạn thời hạn vay từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

- (vii) Bao gồm 2 hợp đồng vay:

Hợp đồng cho vay số 10-04/2023/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 10 tháng 04 năm 2023 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm trả nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng và phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 9,5%/năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi chuyển tiền đầu tiên cho Tổng công ty Licogi - CTCP hoặc đến khi Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi chi trả cổ tức năm 2022 cho các cổ đông tùy thuộc điều kiện nào đến trước. Tài sản đảm bảo là số tiền cổ tức của Tổng Công ty LICOGI - CTCP năm 2022 nhận được từ Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi trả và các khoản phải thu hợp pháp khác của Tổng Công ty LICOGI - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 7.164.070.414 đồng.

Hợp đồng cho vay số 1912/2023/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm trả nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng và phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 9,5%/năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi chuyển tiền đầu tiên cho Tổng công ty Licogi - CTCP hoặc đến khi Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi chi trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông tùy thuộc điều kiện nào đến trước. Tài sản đảm bảo là số tiền cổ tức của Tổng Công ty LICOGI - CTCP năm 2023 nhận được từ Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi trả và các khoản phải thu hợp pháp khác của Tổng Công ty LICOGI - CTCP. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 25.000.000.000 đồng.

- (viii) Hợp đồng vay vốn số số 01/2018/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 08 năm 2018 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 08/2023/PLHĐ/LICOGI-LICOGI2 ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay tại thời điểm hiện tại là 4%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2023 đến ngày 22 tháng 02 năm 2024 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tổng Công ty sử dụng quyền hưởng lợi nhuận năm 2023 và các năm tiếp theo của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 và nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này.



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(ix) Bao gồm 3 hợp đồng vay:

Hợp đồng hỗ trợ vốn số 11.2023/HĐVV ngày 24/11/2023 với số tiền là 10 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 7,5%/ năm. Thời hạn vay từ ngày 24/11/2023 đến 24/11/2024. Tài sản đảm bảo bằng cổ phần của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh.

Hợp đồng hỗ trợ vốn ngày 29/9/2023 với số tiền 1,5 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 8,5%/năm. Thời hạn vay từ ngày 29/09/2023 đến hết ngày 12/3/2024. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tiền cổ tức năm 2023 của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh.

Hợp đồng hỗ trợ vốn ngày 03/10/2023 với số tiền 1 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 8,5%/năm. Thời hạn vay từ ngày 03/10/2023 đến hết ngày 03/04/2024 (165 ngày). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tiền cổ tức năm 2023 của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh.

(x) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Tài sản đảm bảo là 1.226.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi, 596.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 12 và 300.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn.

(xi) Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Cụ thể:

- Hợp đồng vay số 01/HĐCV/TG-LICOGI ngày 12 tháng 05 năm 2021 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐCV/TG-LICOGI ngày 10 tháng 05 năm 2022 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần TERRA GOLD với số tiền là 4.100.000.000 đồng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của bên vay phù hợp với pháp luật và không gây ảnh hưởng đến các lợi ích của bên cho vay. Lãi suất vay là 5%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay. Tổng Công ty sử dụng các khoản phải thu Tổng Công ty phát sinh theo Hợp đồng thi công thầu phụ số 05/LICOGI/ISG/2016 ngày 10 tháng 08 năm 2016 giữa Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Hòa Bình và Tổng Công ty Licogi - CTCP và các phụ lục đính kèm để đảm bảo cho khoản vay này. Giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 8.334.349.353 đồng. Số dư vay tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.100.000.000 đồng.
- Các khoản vay cá nhân chủ yếu là các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	165.000.000.000	165.000.000.000	-	-	165.000.000.000	165.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (i)	165.000.000.000	165.000.000.000	-	-	165.000.000.000	165.000.000.000
Vay các đơn vị	192.320.000.000	192.320.000.000	2.860.000.000	-	189.460.000.000	189.460.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông (ii)	192.320.000.000	192.320.000.000	2.860.000.000	-	189.460.000.000	189.460.000.000
Cộng	357.320.000.000	357.320.000.000	2.860.000.000	-	354.460.000.000	354.460.000.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-			-	-
Cộng các khoản vay dài hạn	357.320.000.000	357.320.000.000			354.460.000.000	354.460.000.000
Vay và nợ dài hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	192.320.000.000	192.320.000.000			189.460.000.000	189.460.000.000

- (i) Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo biên bản thỏa thuận chuyển đổi nghĩa vụ hoàn trả tiền thành khoản vay ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền là 165 tỷ đồng, thời hạn vay 03 năm, lãi suất 0%/năm. Gốc vay được Thanh toán khi kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Khoản vay sẽ đến hạn trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, tuy nhiên Tổng Công ty chưa thực hiện phân loại khoản vay dài hạn đến hạn trả này.

- (ii) Các hợp đồng vay giữa giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Theo các phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến năm 2023. Trong trường hợp hết thời hạn vay sẽ được hai bên thống nhất với nhau bằng văn bản. Sau thời hạn nêu trên, nếu hai bên không có sự thỏa thuận bằng văn bản nào khác thì hợp đồng tự động tái tục thêm kỳ hạn với các điều khoản tương đương, với số lần tự động gia hạn không bị hạn chế sau đó. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 192.320.000.000 đồng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	(377.377.053.211)	522.622.946.789
Lợi nhuận tăng trong năm	-	12.550.377.476	12.550.377.476
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	(366.326.675.735)	533.673.324.265
Lợi nhuận tăng trong năm	-	6.129.201.309	6.129.201.309
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	900.000.000.000	(361.197.474.426)	538.802.525.574

(*) Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết số 111/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty ngày 29 tháng 05 năm 2023.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
Cộng	100%	900.000.000.000	100%	900.000.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

Handwritten notes at the top of the page, including a date and a title.

Main body of handwritten notes, organized into several paragraphs.

Second section of handwritten notes, possibly a list or a detailed description.

Third section of handwritten notes, continuing the text from the previous section.

Final section of handwritten notes at the bottom of the page.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	306.521.559.494	215.480.716.956
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa vật liệu xây dựng	180.618.390.250	102.896.214.799
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.663.550.027	1.876.354.222
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	124.239.619.217	110.708.147.935
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	306.521.559.494	215.480.716.956
Doanh thu với bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	82.234.289.490	1.512.271.527

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, vật liệu xây dựng	180.619.472.571	102.817.844.822
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.378.473.814	2.224.053.142
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	138.485.218.968	110.045.224.452
Cộng	321.483.165.353	215.087.122.416

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.273.569.226	34.336.283.941
Cổ tức lợi nhuận được chia	98.439.733.200	100.362.955.723
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 14	38.268.007.270	169.989.115.093
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	1.092.533.315
Doanh thu tài chính khác	-	100.950.000
Cộng	172.981.309.696	305.881.838.072
Doanh thu tài chính với bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	128.644.975.938	132.657.892.045

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions.

2. It is essential to ensure that all entries are supported by appropriate documentation.

3. The second part of the document outlines the various methods used to collect and analyze data.

4. These methods include both qualitative and quantitative approaches, each with its own strengths and limitations.

5. The third part of the document provides a detailed overview of the statistical techniques employed.

6. This section covers the use of regression analysis, correlation coefficients, and hypothesis testing.

7. The final part of the document discusses the implications of the findings and offers recommendations for future research.

8. The results of the study indicate a strong positive correlation between the variables under investigation.

9. These findings have significant implications for the field of study and may influence policy decisions.

10. The study also identifies several areas where further research is needed to clarify the underlying mechanisms.

11. In conclusion, the research provides valuable insights into the relationship between the variables studied.

12. The data suggests that the model used is a good fit for the observed data.

13. The overall findings support the hypothesis that the variables are interrelated.

14. The study highlights the need for more comprehensive data collection in the future.

15. The research concludes by emphasizing the importance of rigorous data analysis and reporting.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	100.028.381.433	184.907.516.313
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá đầu tư dài hạn	12.980.204.936	38.680.122.113
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.082.041	-
Chi phí tài chính khác	86.509.660	264.988.808
Cộng	113.096.178.070	223.852.627.234
Chi phí lãi vay với bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	39.412.403.752	39.827.185.672

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	650.512.251	316.838.613
Chi phí nhân viên quản lý	17.261.045.417	18.468.504.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.173.092.946	618.743.000
Thuế, phí, lệ phí	855.771.778	662.858.293
Trích lập dự phòng	1.189.467.766	9.999.886.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.070.169.183	8.692.800.395
Chi phí bằng tiền khác	2.531.894.088	5.245.864.847
Cộng	30.731.953.429	44.005.496.513

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	2.524.669.598	2.724.880.904
Các khoản thu khác	-	1.096.445.666
Cộng	2.524.669.598	3.821.326.570

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	282.660.530	12.172.465.955
Khấu hao tài sản đang dừng hoạt động	10.304.380.097	14.314.647.053
Chi phí khác	-	3.201.144.951
Cộng	10.587.040.627	29.688.257.959

Handwritten notes at the top of the page, possibly including a title or introductory text.

Second section of handwritten notes, continuing the text from the top.

Third section of handwritten notes, appearing as a distinct paragraph.

Fourth section of handwritten notes, possibly containing a list or specific details.

Fifth section of handwritten notes, continuing the main body of text.

Sixth section of handwritten notes, showing further development of the ideas.

Seventh section of handwritten notes, possibly a concluding paragraph or summary.

Eighth section of handwritten notes, appearing as a final paragraph.

Ninth section of handwritten notes, possibly including a signature or date.

Tenth section of handwritten notes at the bottom of the page.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**8. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.129.201.309	12.550.377.476
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	47.149.062.895	128.984.592.585
- Chi phí lãi vay không chế do có GDLK	36.562.022.268	89.296.447.730
- Chi phí không được trừ khác	10.587.040.627	39.688.144.855
Thu nhập chịu thuế	53.278.264.204	141.534.970.061
Trừ: Thu nhập được miễn thuế	98.439.733.200	100.362.955.723
- Lợi nhuận của Công ty con, liên kết	98.439.733.200	100.362.955.723
Chuyển lỗ phát sinh các năm trước	-	41.172.014.338
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

9. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.422.843.507	1.246.502.677
Chi phí nhân công	26.429.858.998	22.206.343.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.643.048.587	15.260.740.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.434.113.756	116.638.490.893
Chi phí khác bằng tiền	3.207.417.585	5.597.128.676
Cộng	171.137.282.433	160.949.207.125

540 22/187

Handwritten notes at the top left of the page.

Handwritten notes in the middle left section.

Handwritten notes in the bottom left section.

Main body of handwritten notes on the right side of the page.

Handwritten notes at the bottom right of the page.

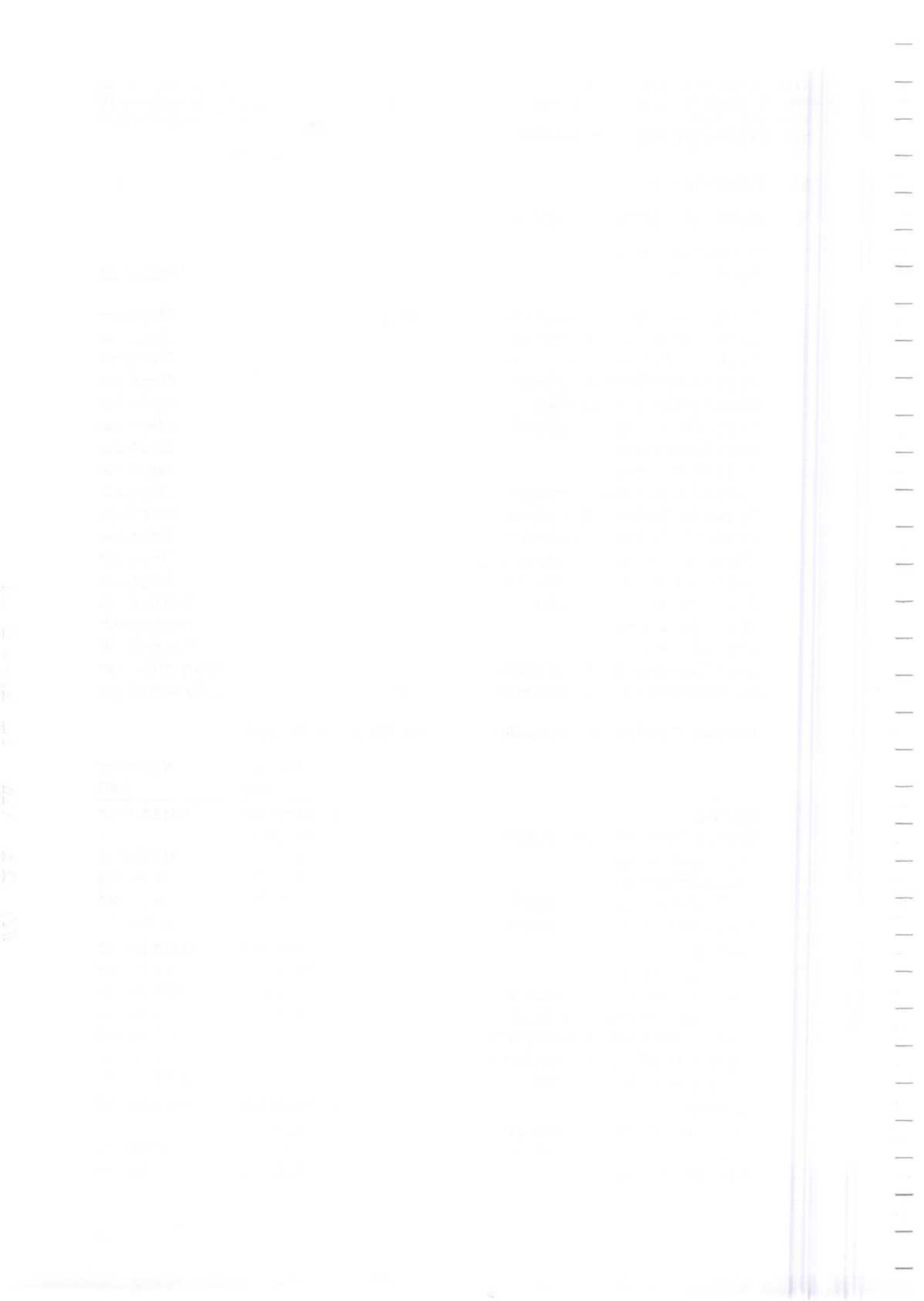


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 15	Công ty con
Công ty Cổ phần Licogi 17	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Licogi	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Licogi 19	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	Công ty có liên quan
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng	82.234.289.490	1.512.271.527
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	81.513.732.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 15	606.146.342	357.884.704
Công ty Cổ phần Licogi 17	64.011.237	34.356.163
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	50.399.911	36.977.549
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	1.083.053.111
Mua hàng	176.372.842.745	191.162.114.877
Công ty Cổ phần Licogi 17	171.416.074.647	139.494.813.426
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	3.430.890.763	19.692.182.043
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	1.525.877.335	25.014.650.772
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	4.511.824.429
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	72.566.622
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	-	2.376.077.585
Lãi cho vay	32.483.367.738	32.294.936.322
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	31.344.231.847	31.158.333.765
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	927.233.111	925.966.444
Công ty Cổ phần Licogi 15	211.902.780	210.636.113



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	96.161.608.200	100.362.955.723
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	74.546.190.000	74.546.190.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	18.945.488.100	13.532.491.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	2.141.395.200	1.835.481.600
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	384.534.900	640.891.500
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	144.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	9.807.901.123
Chi phí lãi vay	39.412.403.752	39.827.185.672
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông	20.093.070.588	19.798.302.675
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	8.273.888.800	8.992.082.706
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	5.779.028.168	5.281.039.134
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	4.909.486.470	5.755.761.157
Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Licogi	183.539.726	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	173.390.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30.662.102.929	35.235.638.179
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	13.783.807.403	27.662.534.224
Công ty Cổ phần tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	8.673.591.895	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty Cổ phần Licogi 15	1.495.849.719	858.767.565
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	1.381.840.156	1.381.840.156
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	427.246.063	427.246.063
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	95.723.875	40.531.390
Công ty Cổ phần Licogi 17	-	60.674.963
Trả trước cho người bán ngắn hạn	53.047.831.094	51.995.819.897
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	38.472.872.158	37.779.352.629
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.813.710.792	10.455.219.124
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	65.458.567	65.458.567
Phải thu về cho vay ngắn hạn	196.903.623.180	193.203.623.180
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	195.303.623.180	191.603.623.180
Phải thu về cho vay dài hạn	3.860.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	3.860.000.000	-

Faint, illegible text, possibly bleed-through from the reverse side of the page. The text is arranged in several columns and appears to be a list or a series of entries.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán (Tiếp theo):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng các khoản phải thu khác	195.766.718.609	164.521.318.676
<i>Phải thu về cổ phần hóa</i>	3.628.215.586	3.628.215.586
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	3.916.293	3.916.293
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.624.299.293	3.624.299.293
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	2.794.626.900	2.410.697.708
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	2.207.520.000	2.207.520.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	384.534.900	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	202.572.000	202.572.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	-	605.708
<i>Phải thu tạm ứng cho các bên liên quan</i>	9.050.773.199	9.533.540.305
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	6.534.416.695	6.300.703.113
Công ty Cổ phần Licogi 15	1.802.943.342	1.749.532.230
Công ty Cổ phần Licogi 19	713.413.162	713.413.162
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	6.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	-	69.910.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	-	699.975.800
<i>Phải thu khác</i>	180.293.102.924	148.948.865.077
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	176.909.841.975	145.565.610.128
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	3.383.260.949	3.383.254.949
<i>Phải trả người bán</i>	70.641.437.456	75.949.103.757
Công ty Cổ phần Licogi 17	31.134.314.283	10.470.494.020
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	13.889.964.888	29.864.519.490
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	12.476.918.235	12.993.655.193
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	10.294.210.438	16.784.684.030
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	1.609.145.615	1.713.083.115
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	1.197.675.311	1.197.675.311
Công ty Cổ phần Licogi 15	39.208.686	39.208.686
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	-	1.013.804.678
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	-	1.871.979.234
<i>Người mua trả tiền trước</i>	87.053.873.892	115.441.516.407
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	47.681.291.600	65.700.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	39.372.582.292	39.372.582.292
Công ty Cổ phần tập đoàn MIK GROUP Việt Nam	-	10.368.934.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán (Tiếp theo):

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả	152.981.953.570	125.725.570.737
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	94.407.473.645	74.314.403.057
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	30.541.489.500	30.541.489.500
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.796.165.969	14.796.165.969
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	6.224.471.604	1.314.985.134
Công ty Cổ phần Licogi 15	3.384.919.688	3.384.919.688
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	1.744.634.182	92.214.919
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	1.639.481.152	1.038.074.640
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	243.317.830	243.317.830
Phải trả khác	94.249.062.996	90.004.115.449
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	25.254.016.850	22.422.151.075
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	8.995.046.146	7.581.964.374
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	125.442.607.349	83.926.475.673
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	64.137.197.156	38.351.197.156
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	32.164.070.414	33.933.938.738
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	11.641.339.779	11.641.339.779
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	12.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV XNK Tổng hợp Licogi	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 17	2.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	192.320.000.000	189.460.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	192.320.000.000	189.460.000.000

1. The first part of the document is a list of names and addresses.

2. The second part is a list of names and addresses.

3. The third part is a list of names and addresses.

4. The fourth part is a list of names and addresses.

5. The fifth part is a list of names and addresses.

6. The sixth part is a list of names and addresses.

7. The seventh part is a list of names and addresses.

8. The eighth part is a list of names and addresses.

9. The ninth part is a list of names and addresses.

10. The tenth part is a list of names and addresses.

11. The eleventh part is a list of names and addresses.

12. The twelfth part is a list of names and addresses.

13. The thirteenth part is a list of names and addresses.

14. The fourteenth part is a list of names and addresses.

15. The fifteenth part is a list of names and addresses.

16. The sixteenth part is a list of names and addresses.

17. The seventeenth part is a list of names and addresses.

18. The eighteenth part is a list of names and addresses.

19. The nineteenth part is a list of names and addresses.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị	1.413.848.466	1.308.768.000
1. Đinh Việt Tùng	122.000.000	132.000.000
2. Phan Thanh Hải	430.499.668	375.996.000
3. Nguyễn Thanh Hợp	-	43.960.000
4. Nguyễn Danh Quân	380.864.490	353.156.000
5. Ưng Tiến Đỗ	380.864.490	353.156.000
6. Nguyễn Trường Sơn	99.619.818	50.500.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.011.690.542	1.007.842.977
1. Vũ Nguyên Vũ	382.499.668	302.045.522
2. Nguyễn Thanh Hợp	363.299.696	223.741.455
3. Nguyễn Anh Dũng	265.891.178	-
4. Phan Đức Hùng	-	152.400.000
5. Phan Lan Anh	-	329.656.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	508.473.581	365.156.000
1. Phan Hải Triều	358.464.490	179.256.000
2. Dương Thị Phượng	75.009.091	20.500.000
3. Kiều Thị Hoa	75.000.000	36.000.000
4. Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	-	37.000.000
5. Bà Nguyễn Thu Trang	-	92.400.000
Cộng	2.934.012.589	2.681.766.977

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Trong năm 2011, Tổng Công ty đã khởi kiện Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn ("Công ty Đại Sơn") liên quan đến khoản tiền mà Công ty Đại Sơn phải trả cho Tổng Công ty theo hợp đồng số 426A-HĐKT-KH về gói thầu Hạ tầng Trường trung cấp Huấn luyện Việt Mỹ tại Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương và hợp đồng số 426B-HĐKT-KH về gói thầu thi công xây dựng hạ tầng Khu du lịch - nhà nghỉ - Trung tâm huấn luyện và công nghệ cao do Công ty Đại Sơn làm chủ đầu tư. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương đã có quyết định theo bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng, Công ty Đại Sơn phải thanh toán cho Tổng Công ty số tiền nợ gốc là 4.449.989.594 đồng và số tiền lãi là 4.417.372.055 đồng. Và Tổng Công ty phải thanh toán cho Công ty Đại Sơn số tiền điện, nước, điện thoại, máy fax là 231.500.000 đồng.

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. It emphasizes that every entry should be supported by a valid receipt or invoice. This ensures transparency and allows for easy verification of the data.

In the second section, the author details the various methods used to collect and analyze the data. This includes both primary and secondary sources, as well as the specific techniques employed for data processing and statistical analysis.

The third section provides a comprehensive overview of the results obtained from the study. It highlights the key findings and discusses their implications for the field. The author also addresses any limitations of the study and suggests areas for future research.

Finally, the document concludes with a summary of the main points and a final statement on the significance of the work. The author expresses their appreciation for the support and assistance provided throughout the project.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã có bản án phúc thẩm số 10/2023/KDTM-PT quyết định sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương về Tranh chấp hợp đồng xây dựng như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Licogi - CTCP về việc buộc Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn phải thanh toán trả Tổng Công ty Licogi - CTCP số tiền nợ gốc là 4.449.989.594 đồng và số tiền lãi là 4.417.372.055 đồng, tổng bằng 8.867.361.649 đồng.
- Chấp nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn về việc hỗ trợ tiền vật liệu và chi phí khác cho Tổng Công ty Licogi - CTCP số tiền 1.950.000.000 đồng. Buộc Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn thanh toán cho Tổng Công ty Licogi - CTCP số tiền 1.950.000.000 đồng.
- Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn, buộc Tổng Công ty Licogi - CTCP phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn số tiền điện, nước, điện thoại, máy fax là 231.500.000 đồng. Tuy nhiên, chấp nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn về việc Tổng Công ty Licogi - CTCP không phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn số tiền điện, nước, điện thoại, máy fax là 231.500.000 đồng.

Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn đã chuyển trả số tiền nêu trên cho Tổng Công ty Licogi - CTCP số tiền 1.950.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 02 năm 2024.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

Lê Thị Thanh Nội
Người lập biểu

Phùng Quang Minh
Kế toán trưởng



Vũ Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

